

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Thi công xây lắp.

1.2. Tên dự án/công trình: Nâng cấp, mở rộng bê tông đường Nam Quốc Gia (từ kênh 7 đến kênh 8).

1.3. Địa điểm xây dựng: xã Châu Phú, tỉnh An Giang.

1.4. Loại cấp công trình: Công trình giao thông công trình cấp IV

1.5. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Châu Phú.

1.6. Quy mô, phạm vi công việc của gói thầu:

- Vận tốc thiết kế : 20 km/h.
- Tải trọng trục xe thiết kế : 2.5 tấn.
- Thời hạn thiết kế : 10 năm.
- Loại mặt đường : cấp cao A1.
- Chiều dài tuyến : 1005m.
- Cao trình tim đường : +3.86m.
- Chiều rộng mặt đường : 5.00m.
- Chiều rộng lề đường : 0.50m x2 bên.
- Chiều rộng nền đường : 6.00m.
- Độ dốc ngang mặt đường : 3%.
- Độ dốc ngang lề đường : 5%.
- Độ dốc mái đường đắp : 1.5.
- Bố trí biển báo tuân thủ theo QCVN 41:2024/BGTVT.
- Bố trí khe co, khoảng cách 4m/ khe; bố trí khe dẫn, khoảng cách 48m/ khe, thanh truyền lực D25, L=450mm, khoảng cách a=300.
- Kết cấu áo đường đoạn đào (tính từ trên xuống): Mặt đường bê tông xi măng M250 dày 18cm; Trải tấm cao su đen ngăn cách mặt đường và nền đường; Lớp cấp phối

đá dăm loại 2 ($D_{max}=37,5\text{mm}$), dày 12cm, đầm chặt $K\geq 0.98$, $E_{tt}=57.731\text{Mpa}$; Lu lèn nền đường hiện trạng 30cm trên cùng đầm chặt $K\geq 0.95$; Nền đường hiện trạng.

- Kết cấu áo đường đoạn đắp (tính từ trên xuống): Mặt đường bê tông xi măng M250 dày 18cm; Trải tấm cao su đen ngăn cách mặt đường và nền đường; Lớp cấp phối đá dăm loại 2 ($D_{max}=37.5\text{mm}$), dày 12cm, đầm chặt $K\geq 0.98$, $E_{tt}=57.731\text{MPa}$; Lu lèn nền đường hiện trạng 30cm trên cùng đầm chặt $K\geq 0.95$; Tôn cao nền đường bằng đất; Nền đường hiện trạng.

- Lề đường: Đắp đất lề đầm chặt $K\geq 0.90$; Nền đường hiện trạng.

- Đánh cấp : Đánh cấp chiều rộng $B=0.5\text{m}$, chiều cao H ; Đắp đất đầm chặt $K\geq 0.90$; Nền đường hiện trạng.

- Gia cố bằng cọc bê tông DƯL: Chiều dài gia cố cọc DƯL, $L=51.60\text{m}$; Hệ số mái $m=1.50$; Đóng cọc chặn DƯL dài $L=6.0\text{m}$, kích thước $(20\times 20)\text{cm}$, mật độ 0.60m/cọc ; Đóng cọc neo DƯL dài $L=6.0\text{m}$, kích thước $(20\times 20)\text{cm}$, mật độ 1.80m/cọc ; 2 hàng thép V $(70\times 70\times 7)\text{mm}$ nẹp; Dây thép buộc $\varnothing 6$, $L=1,5\text{m}$ khoảng cách $a=0.60\text{m/sợi}$ áp neo; Cáp neo $\varnothing 20$ tấm nhựa, $L=4,5\text{m}$, khoảng cách đầu; Cáp neo $\varnothing 20$ tấm nhựa, $L=4.5\text{m}$, khoảng cách $a=1,8\text{m/sợi}$ xiếc ốc hai đầu bằng ốc xiếc cáp D22; Một lớp lưới B40 và hai lớp lưới cước chiều cao trung bình $H=1.00\text{m}$; Cos gia cố xem trên bản vẽ trắc ngang chi tiết.

- Qui mô đào trả mương: Tổng chiều dài: $33.70\text{m}+20.00\text{m}=53.70\text{m}$; Đoạn 1 từ $K0+563.80$ đến $K0+597.50$ dài 33.70m ; Đoạn 2 từ $K0+632.20$ đến $K0+652.20$ dài 20.00m .

2. Thời hạn hoàn thành: 90 ngày kể từ ngày khởi công (có tính điều kiện thời tiết, các ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật).

*** Lưu ý về khối lượng mời thầu ở Mẫu số 01A bảng kê hạng mục công việc (Webform trên Hệ thống):**

- Khối lượng mời thầu nêu tại Mẫu số 01A là bao gồm tất cả các chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công. Các loại vật liệu, nhân công, máy thi công đã bao gồm chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, vận chuyển, bốc xếp đến chân công trình, thuế VAT (8%), thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường, các loại thuế có liên quan và kể cả chi phí dự phòng (chi phí dự phòng trượt giá, chi phí dự phòng phát sinh khối lượng).

- Khối lượng mời thầu là toàn bộ khối lượng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt. Do đó, yêu cầu Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và phải tự tổ chức khảo sát hiện trường trước khi dự thầu để bóc tách khối lượng chính xác. Các khối lượng chi tiết khác gắn liền với từng kết cấu sản phẩm chính tuy không

nêu trong biểu khối lượng chi tiết nhưng Nhà thầu phải tính toán đầy đủ chi tiết theo đúng Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt, đúng quy định trong các quy trình thi công và nghiệm thu áp dụng cho dự án. Do đó, yêu cầu Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và phải tự tổ chức khảo sát hiện trường trước khi dự thầu để bóc tách khối lượng chính xác.

- Tất cả các chi phí thi công đường công vụ, hệ thống khung giằng thi công các hạng mục chính; ***kể cả việc sửa chữa đền bù hệ thống giao thông có sẵn mà xe vận chuyển của đơn vị thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó***; các chi phí vận chuyển vật tư, vận chuyển đổ bỏ vật liệu thừa, thanh thải hoàn trả hiện trạng; phá dỡ, tháo dỡ kết cấu công trình cũ; biện pháp tổ chức thi công; bố trí nhân sự, vật tư, máy thi công để điều tiết giao thông trong quá trình thi công đảm bảo an toàn và lưu thông thuận lợi của các phương tiện đi qua công trình (kể cả đường bộ và đường thủy) theo bản vẽ thiết kế và quy định hiện hành về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đường thủy; khối lượng khấu hao cọc ván thép, đà giáo, sàn đạo, dè quay, công tác hỗ trợ thi công, ... Nhà thầu phải tự tính toán và phân bổ vào đơn giá của các hạng mục công việc chính.

- Đối với các khối lượng chi tiết gắn liền với từng kết cấu sản phẩm chính, khối lượng công việc của các công trình phụ trợ (như: đà giáo, dè quay, sàn đạo, công tác hỗ trợ thi công, điều tiết giao thông...), khối lượng liên quan đến công tác vận chuyển, bốc xếp (như: vận chuyển vật liệu đến chất công trình, vận chuyển trung chuyển vật liệu từ bến sông đến bãi tập kết, bốc xếp vật liệu,...), các công việc có khối lượng tạm tính không nêu trong biểu khối lượng mời thầu nhưng nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các công tác, khối lượng công việc trên theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hồ sơ thiết kế trong giai đoạn khi thi công (triển khai thực hiện hợp đồng). Trường hợp nhà thầu không thực hiện các công tác, khối lượng công việc trên theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư sẽ giảm trừ khối lượng công việc với đơn giá tổng hợp theo dự toán được duyệt.

*** Lưu ý tài liệu chứng minh Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự ở Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)**

- Hợp đồng tương tự kèm theo phụ lục giá trị, khối lượng công việc, Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng (quyết toán A-B), Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công – dự toán công trình (hoặc văn bản của Chủ đầu tư xác nhận quy mô công trình đã thực hiện) và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng của chủ đầu tư công trình và kèm theo phụ lục thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành, ủy nhiệm chi thanh toán (hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục) và hóa đơn VAT. Trường hợp nhà thầu thực hiện công trình hoàn thành phần lớn (ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình) ngoài các tài liệu nêu trên thì phải có văn bản xác nhận của chủ đầu tư về khối lượng công việc đã thực hiện đến thời điểm đóng thầu.

- Trường hợp đối với hợp đồng thầu phụ:

+ Hợp đồng xây dựng ký với nhà thầu chính kèm theo phụ lục giá trị, khối lượng công việc, văn bản của Chủ đầu tư xác nhận quy mô công trình nhà thầu phụ đã thực hiện.

+ Văn bản chấp thuận nhà thầu phụ của Chủ đầu tư thực hiện khối lượng công việc còn lại của nhà thầu chính do Chủ đầu tư chỉ định hoặc nhà thầu phụ không có tên trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng của nhà thầu chính với Chủ đầu tư.

+ Hóa đơn VAT xuất cho nhà thầu chính và chứng từ thanh toán, ủy nhiệm chi (hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục) của nhà thầu chính thanh toán cho nhà thầu phụ hoặc giấy rút vốn đầu tư của Chủ đầu tư thanh toán trực tiếp cho nhà thầu phụ và hóa đơn VAT của nhà thầu phụ xuất cho Chủ đầu tư.

* Các tài liệu chứng minh nêu trên phải scan (quét) bản gốc hoặc scan (quét) bản sao được chứng thực bởi cơ quan Nhà nước hoặc Văn phòng công chứng.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

STT	Hạng mục công trình	Ngày bắt đầu	Ngày hoàn thành
1	Gói thầu số 04: Thi công xây lắp.	Từ ngày bàn giao mặt bằng thi công công trình	Không quá 90 ngày kể từ ngày khởi công.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải đảm bảo thi công theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt và phạm vi gói thầu đã được cung cấp (kèm theo tập thiết kế bản vẽ thi công).

- Áp dụng các Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công và nghiệm thu theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt và các qui định hiện hành của nhà nước.

- Công tác quản lý chất lượng thi công của nhà thầu phải tuân thủ theo

Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan.

- Biện pháp thi công trong quá trình thi công của nhà thầu phải tuân thủ theo HSDT, HSMT và các cam kết khác trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có).

- Chúng loại vật tư, vật liệu, thiết bị cũng như kỹ thuật thi công của nhà thầu phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật hiện hành của Nhà nước.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

a. Yêu cầu chung:

Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt nam cũng như phù hợp với các điều kiện riêng của công trình và theo sự chỉ dẫn của cán bộ giám sát. Bên B phải tuân thủ và làm đúng các chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề có nêu hay không nêu trong hợp đồng.

Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành, bên B phải:

- * Quan tâm đầy đủ đến sức khỏe an toàn của người lao động trên công trường. Đảm bảo trật tự an toàn cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- * Bằng mọi biện pháp hợp lý, bên B phải bảo vệ môi trường ở trong và ngoài công trường nhằm tránh gây thiệt hại về tài sản và người ở công trường và khu vực lân cận.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công công trình kể từ ngày khởi công công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì bên B phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính chi phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp những cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có

kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của bên B theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện ở công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu bên A nhận thấy không thể chấp nhận những đại diện của bên B mà theo ý kiến của bên A người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực hay không thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì bên B không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.

- Bên B phải báo cáo các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng hay chết người, bên B phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, bên B phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Bên B chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của bên A và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b. Giám sát thi công:

Giám sát kỹ thuật công trình được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình trong công tác trên.

Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trình sau khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

Khi phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây tổn hại tới công trình hoặc thiệt hại vật chất cho bên mời thầu thì nhà thầu phải thông báo cho tổ chức thiết kế có biện pháp xử lý.

Mọi vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được tổ chức thiết kế, bên mời thầu cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

Các phần khuất của công trình trước khi lắp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi

hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và bên mời thầu trong những trường hợp sau: do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường; Do nguyên nhân thời tiết khí hậu.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử):

Chất lượng của vật liệu, thiết bị và công trình phải tuân thủ theo quy định định quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Đối với nhà thầu cung ứng sản phẩm xây dựng, vật liệu xây dựng đã là hàng hóa trên thị trường, nhà thầu phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng và cung cấp cho chủ đầu tư các chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan tới sản phẩm xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa để làm căn cứ, chủ đầu tư /TVSG tổ chức kiểm tra, nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng cho công trình; trên các chứng chỉ, chứng nhận, nhà cung cấp phải ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến sản phẩm.

- Nhà thầu phải chịu chi phí và mời Chủ đầu tư giám sát chế tạo, tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy chế tạo (nếu có); tổ chức kiểm tra số lượng, chủng loại, xuất xứ và các yêu cầu của vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng trước khi nghiệm thu sản phẩm đưa vào sử dụng cho công trình. Trường hợp cần thiết, đối với các vật tư, thiết bị quan trọng Chủ đầu tư cử cán bộ có chuyên môn đi kiểm tra đột xuất tại nhà máy sản xuất.

- Nhà thầu phải chịu chi phí thực hiện thí nghiệm đối chứng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị và chất lượng thi công xây dựng khi có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật hoặc thiết kế; thực hiện kiểm định chất lượng công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng khi có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế.

- Tất cả các loại vật liệu, thiết bị dùng cho công trình do Nhà thầu cung cấp phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trong thiết kế bản vẽ thi công công trình đã được phê duyệt và tuân thủ các quy phạm tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Các bản vẽ thiết kế thi công phải được đọc song song với quy định kỹ thuật này.

4. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị:

a. Về vật tư, vật liệu:

Nguồn cung cấp: Những nguồn cung cấp trang thiết bị, nguyên vật liệu đảm bảo đủ số lượng cung cấp liên tục, không gián đoạn trong suốt quá trình thi công.

Chất lượng vật liệu: Đảm bảo đúng chủng loại, nguyên vật liệu theo đúng bản vẽ. Toàn bộ nguyên vật liệu sử dụng phải mới 100%, thỏa mãn tiêu chuẩn Việt Nam và đăng ký chất lượng của Nhà sản xuất.

Chứng chỉ: Nhà thầu phải cung cấp các chứng chỉ cần thiết đối với trang thiết bị, nguyên vật liệu sử dụng như: Nguồn gốc, chất lượng,...

b. Về thiết bị thi công:

Máy móc, thiết bị sử dụng thi công phải phù hợp với tính chất công việc, đảm bảo hoạt động tốt, chất lượng máy móc, thiết bị thi công chính phải có kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận, mức độ ảnh hưởng của thiết bị thi công tác động đến môi trường trong phạm vi cho phép theo quy định hiện hành. Nhà thầu chịu trách nhiệm nếu vi phạm về môi trường.

5. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt: Nhà thầu phải thi công đúng theo thiết kế bản vẽ thi công, trình tự thi công đúng theo quy phạm nghiệm thu và thi công hiện hành, đồng thời tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng xây dựng công trình.

Thi công cơ giới kết hợp với thủ công.

Yêu cầu thi công gọn, dứt điểm từng phần việc.

6. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:

- Trong khi tiến hành đổ bê tông vào công trình tại chính bê tông đang sử dụng. Mẫu lấy phải ghi rõ ngày, công trình, độ sụt. Báo cáo kết quả thí nghiệm là một bộ phận của công tác bàn giao công trình. Lấy mẫu, dưỡng hộ và thí nghiệm sẽ thực hiện theo các TCVN hiện hành. Mỗi một tổ mẫu thí nghiệm sẽ gồm 6 viên kích thước tiêu chuẩn, 3 viên dùng cho thí nghiệm ở tuổi 7 ngày và 3 viên dùng cho tuổi 28 ngày.

- Mẫu được đầm theo phương thức tương tự như bê tông trong công trình. Nhà thầu khi nộp đơn dự thầu có quyền đưa ra mọi chi phí thí nghiệm vào giá thành một mét khối bê tông. Phòng thí nghiệm tiến hành thử bê tông sẽ thỏa thuận với giám sát công trình.

- Nhà thầu phải tách và duy trì nhân viên chuyên trách theo dõi việc sản xuất và thí nghiệm bê tông trong suốt thời gian thi công. Nhân viên này phải được tư vấn giám sát công trình kiểm tra và thỏa thuận.

- Các báo cáo kết quả thí nghiệm về cốt liệu, xi măng và bê tông được lưu 1 tại hiện trường cho mỗi phần công việc. Cường độ bê tông thực tế là cường độ của mẫu trên nén ở tuổi 28 ngày. Cường độ này không dưới so với mức thiết kế.

- Do các yêu cầu thi công đặc biệt, giám sát công trình căn cứ vào kết quả nghiên

cứu phát triển cường độ theo thời gian có thể cho phép tiên đoán cường độ để tiến hành các công việc tiếp theo.

- Lượng lấy mẫu sẽ căn cứ vào nguyên tắc như sau:
 - + Ít nhất một cấu kiện chức năng độc lập có một tổ mẫu thí nghiệm.
 - + Ít nhất 30 m³ bê tông phải có một tổ mẫu thí nghiệm.
- Giám sát có quyền lấy mẫu thí nghiệm bất kỳ khi nào cần thiết mà Nhà thầu không được phép thắc mắc.
- Thiết bị, phụ kiện khi bàn giao có đầy đủ chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ)
- Các thiết bị sau khi được lắp đặt phải tiến hành vận hành thử nghiệm theo hướng dẫn quy định trong từng thiết bị và theo các tiêu chuẩn hiện hành trước khi nghiệm thu. Có chương trình đào tạo sử dụng thiết bị cho đơn vị sử dụng.

7. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ: Trong suốt quá trình thi công và sửa chữa những sai sót thi công, nhà thầu phải Cung cấp và bảo quản hệ thống chiếu sáng, bảo vệ rào tạm, hệ thống báo động cho bảo vệ an ninh công trình.

8. Yêu cầu về vệ sinh môi trường: Trong suốt quá trình thi công và sửa chữa những sai sót thi công, nhà thầu phải áp dụng toàn bộ các biện pháp hợp lý để bảo vệ môi trường thi công, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động công cộng và cá nhân khác do biện pháp thi công của nhà thầu gây ra.

9. Yêu cầu về an toàn lao động: Trong suốt quá trình thi công và sửa chữa những sai sót thi công, nhà thầu phải Quan tâm đầy đủ đến an toàn của người làm việc trên công trường và bảo vệ công trình.

10. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công: Nhà thầu phải đảm bảo đủ số lượng nhân sự và thiết bị phục vụ thi công để đảm bảo đúng tiến độ công trình.

11. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục: Nhà thầu phải có biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục cụ thể, hợp lý đảm bảo trình tự thi công, nghiệm thu.

12. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu: Quá trình thi công các vật liệu, cấu kiện phải được kiểm tra, thí nghiệm đảm bảo chất lượng công trình. Việc lập và xác nhận bản vẽ hoàn công được thực hiện theo hướng dẫn pháp luật hiện hành.

13. Đối chiếu tài liệu kèm theo hồ sơ dự thầu:

- Tại thời điểm đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu là

bản chụp được chứng thực bởi cơ quan chức năng theo quy định để phục vụ cho việc đối chiếu so với các thông tin mà nhà thầu đã kê khai trong E-HSDT theo quy định tại Mục 31 E-CDNT; đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng, đầy đủ bản gốc (tài liệu giấy) để chứng minh khi Chủ đầu tư (Bên mời thầu) yêu cầu (nếu thấy cần thiết).

- Nếu tại thời điểm đối chiếu mà nhà thầu không có hoặc có nhưng không đầy đủ các tài liệu bản gốc (tài liệu giấy) để chứng minh thì Chủ đầu tư (Bên mời thầu) sẽ tiến hành xác minh theo quy định tại Mục 23.6 E-CDNT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

IV. Các bản vẽ

(Ghi chú: Bên mời thầu đính kèm hồ sơ thiết kế, các bản vẽ là tệp tin PDF/Word/CAD cùng E-HSMT trên Hệ thống).